TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/DS-ST
Ngày: 11/10/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Trần Thị Phiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/TLST- DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 70/2018/QĐST-DS ngày 14/9/2018, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

2/. Bị đơn: 1/ Ông Trần Văn N, sinh năm 1967;

2/ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: tổ 17, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2017, biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Xuất phát từ quan hệ bà con và có mua bán tấm và bột, nên từ tháng 9 năm 2014(âm lịch) đến ngày 20 tháng 6 năm 2017 (âm lịch), anh S có bán tấm nguyên liệu cho vợ chồng ông N và bà B để làm bột, sau đó mua lại bột thành phẩm của ông bà. Do hình thức thanh toán là giao trước thanh toán sau nên sau mỗi lần giao dịch thì ông N và bà B đều có nợ lại tiền của anh S. Việc giao dịch có sổ sách ghi chép và có ký nhận. Đến tháng 6 năm 2017 (âm lịch) do số nợ khá lớn trên 50 triệu nên anh S có gặp bà B để nhắc nhở động viên gia đình cổ gắng trả bớt một phần số tiền nợ. Anh S ra điều kiện nếu vợ chồng ông N và bà B không trả nợ thì anh S không bán tấm nữa, nhưng thái độ bà B và ông N là không hợp tác, còn ra diều kiện "Nếu không tiếp tục bán tấm cho bà B thì xem như "huề" không trả tiền còn nợ. Vì vậy, sau đó anh S ngưng không mua bán với vợ chông ông N và bà B nữa.

Tính đến nay, vợ chồng ông N bà B còn nợ số tiền mặt là : 51.498.000 đồng. Anh S yêu cầu ông N, bà B trả cho anh S số tiền 51.498.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa, theo nội dung bản tự khai nộp cho Tòa án ngày 21/12/2017 ông Nén trình bày: ông và vợ có mua tấm của anh S (S Nghệ) nhưng đến năm 2017 thì anh S không giao tấm nữa nên gia đình ông N không có điều kiện tiếp tục làm bột nữa nên không có khả năng trả nợ cho anh S. Số tiền còn nợ là 51.498.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) ông Nén đề nghị cho ông thêm thời gian làm bột lại sẽ trả tiền cho anh S.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa, theo nội dung Bản tự khai nộp cho Tòa án ngày 18/7/2018 bà Bông trình bày: bà có mua tấm của anh S (S Nghệ) để làm bột và nuôi heo, trong quá trình mua bán thì vợ chồng bà còn nợ anh S số tiền là 51.498.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) nhưng do gặp hoàn cảnh kinh tế khó khăn, do heo xuống giá dẫn đến thua lỗ, thêm vào đó anh S không tiếp tục bán tấm nên bà và ông N phải nghỉ làm bột nên không có tiền trả cho anh S. Bà B đề nghị khi nào bà có vốn làm bột lại sẽ trả tiền cho anh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã cơ bản thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành thấy đảm bảo đủ điều kiện và hợp pháp. Riêng đối với bị đơn không chấp hành theo Giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 là vi phạm quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội dồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B liên đới trả cho anh S số tiền mua tấm còn nợ là 51.498.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2017 anh Nguyễn Văn S tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán đối với ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B có cùng địa chỉ tổ 17, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Xác định anh Nguyễn Văn S là nguyên đơn, ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B cùng là bị đơn; Việc khởi kiện còn trong thời hiệu; Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Xét sự vắng mặt của ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B, là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không

lí do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B là phù hợp Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S yêu cầu bị đơn ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B trả số tiền mua tấm còn nợ là 51.498.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử thấy, việc mua bán tấm nguyên liệu giữa anh S với ông N và bà B được các bên thừa nhận, ông N và bà B cũng thừa nhận còn nợ anh S tiền mua tấm nguyên liệu với số tiền là 51.498.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng). Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đây là sự thật được các bên đương sự thừa nhận không cần chứng minh.

Nay anh S yêu cầu ông N và bà B trả cho anh S tiền mua tấm nguyên liệu còn nợ là 51.498.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) là có căn cứ để chấp nhận.

Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh

1. Những tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh:

a) Những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận;

b) ……;

c) ……..

2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.

3. …….. ..

Tại các bản tự khai ông N và bà B đề nghị cho ông, bà thêm thời gian để làm bột lại sẽ trả tiền cho anh S. Anh S không đồng ý với đề nghị của ông N và bà B,

pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành và yêu cầu khởi kiện của anh S là buộc ông N và bà B cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 51.498.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử**:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" với ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B.

Buộc ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền còn nợ là 51.498.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị B phải chịu 2.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn S 1.287.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn S đã nộp theo Biên lai thu số 12373 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.(P)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Minh Phong